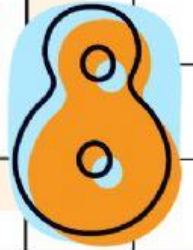
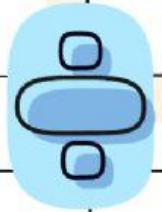


Toán **KHÁI NIỆM SỐ THẬP PHÂN**



Sách giáo khoa Toán/trang 33



Số thập phân



0,5

$$= \frac{5}{10}$$

0,07

$$= \frac{7}{100}$$

0,009

$$= \frac{9}{1000}$$





Bài 2: Viết số thập phân thích hợp vào chỗ chấm (theo mẫu):

Mẫu: $7\text{dm} = \frac{7}{10} \text{ m} = 0,7\text{m}$

$5\text{dm} = \frac{5}{10} \text{ m} = \quad \text{m}$ $3\text{cm} = \frac{3}{100} \text{ m} = \quad \text{m}$

$2\text{mm} = \frac{2}{1000} \text{ m} = \quad \text{m}$ $8\text{mm} = \frac{8}{1000} \text{ m} = \quad \text{m}$

$4\text{g} = \frac{4}{1000} \text{ kg} = \quad \text{kg}$ $6\text{g} = \frac{6}{1000} \text{ kg} = \quad \text{kg}$





Bài 3: Viết phân số thập phân và số thập phân thích hợp vào chỗ chấm:

m	dm	cm	mm	Viết phân số thập phân	Viết số thập phân
0	5			<u> </u> m	<u> </u> m
0	1	2		<u> </u> m	<u> </u> m
0	3	5		<u> </u> m	<u> </u> m



CHÚC MỪNG CÁC EM

ĐÃ HOÀN THÀNH NHIỆM VỤ NHÉ!

☐☐☐